

— Tiền phạt và tiền thu được khi xử lý những vụ vi phạm quy chế về khai thác và quản lý rừng.

Điều 3. — Mức thu tiền nuôi rừng, bình quân cho 1m³ gỗ tròn các loại là 300 đồng.

Mức thu này được áp dụng trong thời gian kế hoạch 5 năm 1981 — 1985, khi nào có sự thay đổi giá bán buôn gỗ tròn hoặc nảy sinh các yếu tố khác có liên quan đến mức thu tiền nuôi rừng thì Bộ Lâm nghiệp cùng với các Bộ có liên quan xem xét và trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định thay đổi mức thu tiền nuôi rừng.

Liên Bộ Lâm nghiệp — Tài chính căn cứ vào mức thu bình quân trên đây để quy định mức thu cụ thể tính trên từng chủng loại gỗ và quy định mức thu tiền nuôi rừng tính trên các loại lâm sản, đặc sản khác lấy từ rừng.

Điều 4. — Tiền thu về quỹ nuôi rừng phải nộp 90% cho trung ương và dành 10% cho ngân sách tỉnh và huyện để khuyến khích địa phương trồng rừng, quản lý, bảo vệ rừng. Việc phân bổ một phần số tiền này cho ngân sách huyện có rừng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 5. — Quỹ nuôi rừng do Bộ Lâm nghiệp thống nhất quản lý để chi vào những việc sau đây:

- Đầu tư trồng rừng mới.
- Tu bổ và cải tạo rừng tự nhiên.
- Quản lý và bảo vệ rừng.
- Trợ cấp cho các hợp tác xã trồng rừng tập trung và phong trào nhân dân trồng cây.
- Công tác xây dựng cơ bản khác có liên quan đến công tác trồng rừng, tu bổ và cải tạo rừng.

Điều 6. — Quỹ nuôi rừng được gửi vào một tài khoản riêng tại Ngân hàng Nhà nước.

— Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước hàng năm, Bộ Lâm nghiệp lập kế hoạch thu, chi quỹ nuôi rừng theo đúng

quyết định này và theo đúng các chế độ quản lý tài chính và quản lý xây dựng cơ bản hiện hành; làm quyết toán thu, chi với Bộ Tài chính.

— Tồn quỹ nuôi rừng cuối năm được chuyển một phần làm quỹ dự trữ cho kế hoạch năm sau. Mức dự trữ này không quá 25% kế hoạch chi của năm kế hoạch. Phần tồn quỹ còn lại, Bộ Lâm nghiệp phải nộp hết vào ngân sách Nhà nước.

Điều 7. — Quỹ nuôi rừng được thi hành từ ngày 1 tháng 10 năm 1981. Những quy định trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 8. — Các Bộ Lâm nghiệp, Tài chính và Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn thi hành quyết định này.

Các bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp, Bộ Tài chính, chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước và các đồng chí chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 1981

T.M. Hội đồng bộ trưởng

K.T. Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng

Phó chủ tịch

TÓ HỮU

QUYẾT ĐỊNH số 89-HĐBT ngày 25-9-1981 về việc phân vạch địa giới một số phường thuộc thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ vào điều 107 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào điều 16 của Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Chia các phường An Dương, Lam Sơn thuộc quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng thành ba phường lấy tên là phường An Dương, phường Lam Sơn và phường Trần Nguyễn Hãn⁽²⁾.

Điều 2. — Đồng chí chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 1981

Thừa ủy quyền của Hội đồng bộ trưởng

Bộ trưởng, tổng thư ký

ĐẶNG THỊ

QUYẾT ĐỊNH số 93-HĐBT ngày 26-9-1981 về việc phân vạch địa giới một số xã thuộc tỉnh Tây Ninh.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Phân vạch địa giới một số xã của các huyện Tân Biên, Gò Dầu và thị xã Tây Ninh thuộc tỉnh Tây Ninh như sau :

1. Huyện Tân Biên :

a) Thành lập xã Tân Hiệp, xã Thanh Nghĩa và xã Tân Thành⁽²⁾.

b) Chia xã Trà Vông thành ba xã lấy tên là xã Tân Phong, xã Mỹ Công và xã Trà Vông⁽²⁾.

2. Huyện Gò Dầu :

Thành lập xã Phước Đông gồm có ấp Phước Đức của xã Phước Thạnh và các ấp Cây Trắc, Suối Cao của xã Thanh Phước⁽²⁾.

3. Thị xã Tây Ninh :

Thành lập xã Bình Minh⁽²⁾.

Điều 2. — Đồng chí chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 1981

Thừa ủy quyền của Hội đồng bộ trưởng

Bộ trưởng, tổng thư ký

ĐẶNG THỊ

QUYẾT ĐỊNH số 98-HĐBT ngày 29-9-1981 về việc phân vạch địa giới một số huyện thuộc tỉnh Cửu Long.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Cửu Long và Ban tổ chức của Chính phủ.

(1) Xem căn cứ tại quyết định số 89-HĐBT ngày 25-9-1981.

(2) Không in địa giới cụ thể của các phường và các xã.